

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ 3 SAO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ 3 SAO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400955008

3. Ngày thành lập: 10/02/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 46-CL71, Khu đất ở và kinh doanh dịch vụ, Xã Hồng Thái, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0985030980

Fax:

Email: 3sao.jsc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
9.	Bán mô tô, xe máy	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
14.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
15.	Bán buôn thực phẩm	4632
16.	Bán buôn đồ uống	4633
17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

22.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
26.	Giáo dục nhà trẻ	8511
27.	Giáo dục mẫu giáo	8512
28.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
29.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
30.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
31.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
32.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
33.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
34.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
35.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
36.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
37.	Bán buôn tổng hợp	4690
38.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
39.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
40.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
41.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
42.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
43.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
44.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
45.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
46.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
47.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
48.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
49.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
50.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
51.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
52.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
53.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
54.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
55.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640

56.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
57.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
58.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
59.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
60.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
61.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
62.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
63.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
64.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
65.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
66.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
67.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
68.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
69.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
70.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
71.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
72.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
73.	Vận tải đường ống	4940
74.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
75.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
76.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
79.	Bốc xếp hàng hóa	5224
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
82.	Bưu chính	5310
83.	Chuyển phát	5320
84.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
85.	Cơ sở lưu trú khác	5590
86.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
87.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
88.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
89.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

90.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
91.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
92.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
93.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
94.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830(Chính)
95.	Đại lý du lịch	7911
96.	Điều hành tua du lịch	7912
97.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
98.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
99.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
100.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
101.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
102.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
103.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
104.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
105.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
106.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
107.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
108.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
109.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
110.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
111.	Thu gom rác thải độc hại	3812
112.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
113.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
114.	Tái chế phế liệu	3830
115.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
116.	Xây dựng nhà để ở	4101
117.	Xây dựng nhà không để ở	4102
118.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
119.	Xây dựng công trình điện	4221
120.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
121.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
122.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
123.	Xây dựng công trình thủy	4291
124.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292

125.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
126.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
127.	Phá dỡ	4311
128.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
129.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
130.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
131.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
132.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 2.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐOÀN VĂN PHƯƠNG	Thôn Nội Ninh, Xã Ninh Sơn, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	127.400	1.274.000.000	49,000	0240760078 70	
			Tổng số	127.400	1.274.000.000	49,000		
2	NGUYỄN VĂN TẠO	Thôn Ngư Đại, Xã Đại Xuân, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	130.000	1.300.000.000	50,000	0270890070 14	
			Tổng số	130.000	1.300.000.000	50,000		
3	NGUYỄN VĂN THANH	Thôn Ngư Đại, Xã Đại Xuân, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.600	26.000.000	1,000	0270870122 08	
			Tổng số	2.600	26.000.000	1,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TẠO

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 30/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027089007014

Ngày cấp: 18/12/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Ngự Đại, Xã Đại Xuân, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Ngự Đại, Xã Đại Xuân, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang